TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 11/HNGĐ – ST
Ngày: 04/9/2025
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Chinh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Ngân
2. Ông Lâm Mây

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, tỉnh Đồng Nai: Bà Nguyễn Như Mai Trang – kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 138/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025, về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim Y, sinh năm: 1988 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp 6B, xã LT, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Lê Xuân T, sinh năm: 1980 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 6B, xã LT, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim Y trình bày: Bà Y và ông Lê Xuân T tự nguyện chung sống với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, huyện Lộc Ninh. Trước khi kết hôn T2m hiểu khoảng vài tháng. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, tính T2nh không hợp và sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay bà Y xin ly hôn với ông Lê Xuân T.

Về con chung: Có 02 con tên Lê Anh T1, sinh ngày 10/8/2009 và Lê Anh Tài, sinh ngày 29/6/2013. Khi ly hôn bà Y nuôi con tên Lê Anh Tài, để ông T nuôi con tên Lê Anh T1, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Y và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

Quá trình hòa giải, bị đơn ông Lê Xuân T trình bày: Thống nhất về quan hệ hôn nhân, thời gian phát sinh mâu thuẫn và ly thân như bà Y trình bày. Nay ông Lê Xuân T không đồng ý ly hôn với bà Y.

Về con chung: Có 02 con tên Lê Anh T1, sinh ngày 10/8/2009 và Lê Anh Tài, sinh ngày 29/6/2013. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông T yêu cầu nuôi 02 con, không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Y và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát. Tại phiên tòa, thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, ông Lê Xuân T vắng mặt lần thứ hai, Tòa án đã tống đạt các thủ tục theo quy định nên đề nghị xét xử vắng mặt ông T.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Kim Y.

Quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Kim Y được ly hôn với ông Lê Xuân T.

Con chung: Giao bà Y nuôi con tên Lê Anh Tài, sinh ngày 29/6/2013. Giao ông T nuôi con tên Lê Anh T1, sinh ngày 10/8/2009, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không xem xét.

Án phí: Đương sự chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Trần Thị Kim Y có đơn khởi kiện giải quyết ly hôn với ông Lê Xuân T nên vụ án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lê Xuân T cư trú tại xã LT, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Đồng Nai được quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông Lê Xuân T vắng mặt, tuy nhiên Tòa án đã tống đạt các thủ tục theo quy định. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim Y và ông Lê Xuân T tự nguyện chung sống với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, vì vậy hôn nhân giữa bà Y và ông T là hợp pháp. Theo bà Y, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, tính T2nh không hợp. Vợ chồng sống ly thần từ năm 2019 đến nay. Nay bà Y xác định không còn T2nh cảm với ông T nên vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn.

Xét thấy, quá trình chung sống bà Y và ông T phát sinh mâu thuẫn vợ chồng sống ly thần từ năm 2019 đến nay nhưng vẫn không hàn gắn, khắc phục được. Như vậy, T2nh trạng hôn nhân giữa bà Y và ông T đã trầm trọng, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cho bà Trần Thị Kim Y được ly hôn với ông Lê Xuân T.

[2.2] Con chung: Có 02 người con tên Lê Anh T1, sinh ngày 10/8/2009; Lê Anh Tài, sinh ngày 29/6/2013. Khi ly hôn bà Y nuôi con tên Lê Anh Tài, để ông T nuôi con tên Lê Anh T1, không bên nào cấp dưỡng nuôi con. Theo ông T nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông T nuôi cả hai con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và Gia đình: *Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.* Do con tên Anh T1 có nguyện vọng sống với ông T nên giao cho ông T nuôi. Con tên Anh Tài có nguyện vọng sống với bà Y nên giao cho bà Y nuôi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Tài sản chung: Bà Y ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Nợ chung: Không có nên không xem xét.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà Trần Thị Kim Y phải chịu số tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 39 của Bộ luật dân sự;

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim Y được ly hôn với ông Lê Xuân T.

2. Con chung: Bà Trần Thị Kim Y nuôi con tên Lê Anh Tài, sinh ngày 29/6/2013. Ông Lê Xuân T nuôi con tên Lê Anh T1, sinh ngày 10/8/2009, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Tài sản chung: Bà Y ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Không có.

5. Án phí: Bà Trần Thị Kim Y chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Hôn nhân sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 - Đồng Nai) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002536 ngày 04 tháng 6 năm 2025.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kiều Chinh

Nơi nhận :
- VKSND khu vực 14- Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai (Phòng THADS khu vực 14 - Đồng Nai)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.